

Bản án số: 174/2023/DS-PT

Ngày: 20/7/2023.

V/v tranh chấp thừa kế tài sản
và cấp dưỡng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên

Các Thẩm phán: ông Phạm Tồn

ông Phạm Văn Hợp

- **Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** ông Nguyễn Chiến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2023/TLPT-DS ngày 30/3/2023 về tranh chấp thừa kế tài sản và cấp dưỡng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2022/DS-ST ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2454/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Hồ Thị Hải S, sinh năm 1976.

Địa chỉ: khu C, nhà A, phòng A đường B, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Lê Thị Mai H, sinh năm 1977. Trú tại: phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (văn bản ủy quyền ngày 13/3/2023). Có mặt.

2. Bị đơn: ông Lê Chiêu V, sinh năm 1978.

Địa chỉ: số K đường H, tổ E phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Chiêu L, sinh năm 1971; địa chỉ: số K đường H, tổ E phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Ông Lê Chiêu T, sinh năm 1974; địa chỉ: số E đường T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Ông Lê Chiêu Q, sinh năm 1976; địa chỉ: số A đường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Ông Lê Chiêu P, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú tại nước ngoài: D Pond Edge R, GA C, USA (Hoa Kỳ). Vắng mặt.

- Bà Lê Nguyễn Bích N, sinh năm 1983; địa chỉ: số I đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Cháu Lê Hồ Bảo N1, sinh ngày 11/3/2014.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Hồ Bảo N1: bà Hồ Thị Hải S (mẹ ruột), sinh năm 1976; địa chỉ: khu C, nhà A, phòng A đường B, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1952; địa chỉ: số A đường T, tổ A phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn bà Hồ Thị Hải S và bị đơn ông Lê Chiêu V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ông Lê Văn D và bà Hồ Thị Hải S kết hôn năm 2014, năm 2020 ông D chết không để lại di chúc. Ông D có 07 người con, gồm: ông Lê Chiêu L, sinh năm 1971; ông Lê Chiêu T, sinh năm 1973; ông Lê Chiêu Q, sinh năm 1976; ông Lê Chiêu V, sinh năm 1978; ông Lê Chiêu P, sinh năm 1981; bà Lê Nguyễn Bích N, sinh năm 1983 và Lê Hồ Bảo N1, sinh năm 2014.

Nay bà S đề nghị Toà án phân chia di sản thừa kế do chồng là ông D chết để lại theo quy định của pháp luật, gồm có:

a) Tài sản riêng của ông D trước thời kỳ hôn nhân với bà S:

Nhà, đất tại địa chỉ số K đường H, tổ E phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng, thuộc thửa đất số 45 tờ bản đồ số 14 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 842550 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 17/12/2018 đứng tên ông Lê Văn D.

Đối với tài sản chung này, tại thời điểm thụ lý vụ án bà S có yêu cầu nhận bằng tiền tương ứng với kỷ phần bà được hưởng. Nay bà yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

b) Tài sản chung của ông D và bà S trong thời kỳ hôn nhân:

- 01 lô đất tại địa chỉ lô B phân khu B, khu tái định cư số 2 thuộc vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến đường ĐT 602, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, thuộc thửa đất số 375, tờ bản đồ số 39 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 899034 do UBND huyện H cấp ngày 21/3/2019 đứng tên bà Hồ Thị Hải S và ông Lê Văn D.

- 01 xe ô tô hiệu Suzuki 5 chỗ, biển số 43A-244.40 có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 042346 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đ cấp ngày 30/8/2017 đứng tên ông Lê Văn D.

Hiện 02 tài sản chung này đang do bà S quản lý nên bà đề nghị được nhận bằng hiện vật và sẽ bồi trả giá trị bằng tiền tương ứng với kỷ phần mà các đồng thừa kế được phân chia.

c) Cháu Lê Hồ Bảo N1, sinh ngày 11/3/2014 - là con chung của bà S với ông D. Hiện nay cháu Bảo N1 08 tuổi, đề nghị phân chia cấp dưỡng một lần đến khi đủ 18 tuổi với số tiền là 2.160.000.000đồng. Cụ thể là 15.000.000đồng/tháng, một năm là 180.000.000đồng. Lúc ông D mất cháu 06 tuổi, đến năm cháu 18 tuổi là 12 năm nên số tiền là 2.160.000.000đồng.

** Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Chiêu L, ông Lê Chiêu T, ông Lê Chiêu Q, ông Lê Chiêu V, bà Lê Nguyễn Bích N thống nhất trình bày như sau:*

Nhà số K đường H, tổ E phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng được cha mẹ các ông, bà là ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Ngọc B mua và xây dựng từ trước giải phóng. Căn nhà gỗ đã 03 lần sửa chữa dựa trên công sức của cha, mẹ và sự đóng góp chung của các ông, bà. Lần cuối cùng được xây lại như bây giờ là năm 2006, thời điểm này ông D chưa có mối quan hệ nào với bà S. Căn nhà này từ lâu đã là nơi thờ tự tổ tiên, ông bà dòng họ, nay là nơi duy nhất thờ cha của các ông, bà. Các ông, bà phụng dưỡng ông Diên t khi ông nghỉ hưu đến ngày qua đời. Bên cạnh việc hiếu nghĩa thì đó cũng là nhằm góp phần gìn giữ nguyên vẹn ngôi nhà làm nơi sinh sống cho ông lúc tuổi già và nơi thờ tự sau khi ông qua đời. Thực chất, đây là căn nhà từ đường sau khi cha của các ông, bà mất và cũng là di nguyện của cha các ông, bà. Bà S không hề có công lao gì đối với căn nhà này từ lúc hình thành đến nay. Khi hai người kết hôn, cha của các ông, bà cũng đã mua nhà riêng tại chung cư V để bà sinh sống, bà S không cư trú và góp phần gì vào ngôi nhà này.

Cha của các ông, bà qua đời vào năm 2020, không có di chúc nhưng theo di nguyện của cha, bà S cũng đã thỏa thuận với các ông, bà rằng: bà sẽ được hưởng những tài sản cha các ông, bà để lại cho bà (gồm: nhà chung cư đang ở, đất đứng tên 2 người, xe ô tô mang biển số 43A-244.40 do cha các ông, bà đứng tên), ngoại trừ việc phân chia ngôi nhà này. Căn nhà sẽ được gìn giữ nguyên vẹn làm nơi thờ tự đứng tên 07 người con (gồm các ông, bà, bé Bảo N1) và bà S; không mua bán, đổi cho dưới bất kỳ hình thức nào. Vì vậy, sau khi cha các ông, bà

mất, bà S đã đến phòng C để lập văn bản thỏa thuận về nội dung trên có sự đồng thuận của các ông, bà. Hồ sơ được tiến hành theo hướng dẫn của phòng Công chứng. Tuy nhiên, vì 01 thành viên trong gia đình đang định cư tại Mỹ nên hồ sơ giấy tờ thực hiện rất mất thời gian. Trong đó: có 01 lần bị sai phải làm lại và 01 lần bưu phẩm thất lạc do gửi về trong giai đoạn dịch Covid-19 (tất cả những sự việc này đều được thông báo đến bà S). Đến cuối tháng 6/2021, khi nhận được hồ sơ của Lê Chiêu P từ Mỹ, các ông, bà liên lạc thông báo thì lúc này bà S đã nộp đơn tranh chấp đến Tòa án.

Nhìn vào những tài sản cha các ông, bà để lại, bà S gần như được hưởng hầu hết, chỉ để lại căn nhà từ đường này nhưng bà S vẫn yêu cầu chia cả nơi thờ tự. Hành động này như vết dao cắt vào di nguyện của cha các ông, bà về việc các ông, bà cần nâng đỡ em gái Bảo N1. Nay, các ông, bà đề nghị Tòa án xem xét hợp tình, hợp lý; bác yêu cầu của bà S về việc tranh chấp chia di sản thừa kế đối với căn nhà từ đường tại địa chỉ K đường H, quận T, Tp . theo di nguyện của cha và của các ông, bà.

** Tại văn bản ngày 30/11/2022 và tại phiên tòa ông Lê Chiêu L trình bày:*

Ông là người con duy nhất trong 07 người con sống cùng cha từ khi sinh ra đến nay đã hơn 50 năm. Các em của ông sau khi trưởng thành đều lập gia đình và lập nghiệp ở nơi khác, đồng thời muốn ông ở lại chăm sóc, ở cùng cha nên xét về trách nhiệm và công sức của ông đối với việc phụng dưỡng cha lúc về già và gìn giữ căn nhà này là không thể phủ nhận. Ông yêu cầu Tòa án xem xét thấu đáo, bác yêu cầu khởi kiện của bà S về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế” đối với căn nhà từ đường theo di nguyện của cha ông và của anh, em ông tại địa chỉ K đường H. Xem xét phần công lao trách nhiệm của người đang ở trong căn nhà từ trước và cả sau khi cha ông qua đời. Số tiền ông đề nghị được hưởng trong trường hợp việc chia kỷ phần buộc phải thực hiện theo quyết định của Tòa án như sau:

+ 20 năm phụng dưỡng khi cha còn sống và chăm sóc gìn giữ căn nhà (từ năm 2000 đến năm 2020): $20 \text{ năm} \times 12 \text{ tháng} \times 10 \text{ triệu đồng/tháng} = 2.400.000.000 \text{ đồng}$.

+ 02 năm 06 tháng từ sau ngày cha mất (tháng 4/2020 - tháng 11/2022), gìn giữ sửa chữa nhà cửa, cây cối, hương khói cúng kính: $30 \text{ tháng} \times 15 \text{ triệu đồng/tháng} = 450.000.000 \text{ đồng}$.

+ Đóng góp xây lại nhà mới vào năm 2006: 300.000.000 đồng.

Tổng cộng: 3.150.000.000 đồng (Ba tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc B vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tố tụng bà có trình bày:*

Bà và ông D ly hôn vào năm 1999. Nhà, đất tại số K đường H, quận T có nguồn gốc là tài sản chung của bà và ông D. Năm 2016, bà đồng ý để ông D

đứng tên quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà với điều kiện để cho các con sử dụng, không được bán, đổi cho. Đối với ngôi nhà trên đất, bà cho rằng khi xây dựng bà đóng góp 50.000.000đồng và các con cũng có đóng góp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 82/2022/DS-ST ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ Điều 623, 650, 651, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33, khoản 4 Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 92, Điều 104, Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm b, mục 3 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 7 Điều 27, điểm đ Điều 12, Điều 44 của Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Hải S.

Tuyên xử:

1. Giao cho ông Lê Chiêu L, ông Lê Chiêu T, ông Lê Chiêu Q, ông Lê Chiêu V, bà Lê Nguyễn Bích N sở hữu: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ 4 đường H, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng thuộc thửa đất số 45 tờ bản đồ số 14 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 842550 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 17/12/2018.

2. Giao cho bà Hồ Thị Hải S sở hữu:

- Quyền sử dụng đất tại địa chỉ lô B phân khu B, khu tái định cư số 2 thuộc vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến đường ĐT 602, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, thuộc thửa đất số 375, tờ bản đồ số 39 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 899034 do UBND huyện H cấp ngày 21/3/2019 đứng tên bà Hồ Thị Hải S và ông Lê Văn D.

- Xe ô tô hiệu Suzuki 5 chỗ, biển số 43A-244.40 có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 042346 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đ cấp ngày 30/8/2017 đứng tên ông Lê Văn D.

3. Các bên được giao quyền sở hữu tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được chỉnh lý biến động về quyền sở hữu.

4. Ông Lê Chiêu L, ông Lê Chiêu T, ông Lê Chiêu Q, ông Lê Chiêu V, bà Lê Nguyễn Bích N có trách nhiệm bồi trả như sau:

+ Bồi trả cho bà Hồ Thị Hải S số tiền là: 1.203.590.625đồng, chia phần cho mỗi người là 240.718.125đồng/01 người;

+ Thôi trả cho cháu Lê Hồ Bảo N1 số tiền là: 1.908.590.625đồng, chia phần cho mỗi người là 381.718.125đồng/01 người;

+ Thôi trả cho ông Lê Chiêu P số tiền là: 1.908.590.625đồng, chia phần cho mỗi người là 381.718.125đồng/01 người;

+ Thôi trả công sức bảo quản di sản cho ông Lê Chiêu L: 450.000.000đồng chia phần cho mỗi người là 90.000.000đồng/01 người;

Do cháu Lê Hồ Bảo N1 chưa đủ 18 tuổi nên tạm giao kỷ phần của cháu N1 cho mẹ ruột là bà Hồ Thị Hải S nhận;

Ông Lê Chiêu P đang cư trú ở nước ngoài nên tạm giao kỷ phần của ông Lê Chiêu P cho các anh em của ông là: ông Lê Chiêu L, ông Lê Chiêu T, ông Lê Chiêu Q, ông Lê Chiêu V, bà Lê Nguyễn Bích N quản lý.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Ông Lê Chiêu V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 69.257.718đồng.

- Phí thẩm định giá là 68.500.000đồng và phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 5.000.000đồng, tổng cộng là 73.500.000đồng các bên cùng chi trả. Tuy nhiên, bà Hồ Thị Hải S đã thanh toán xong các chi phí này nên các đồng thừa kế là ông Lê Chiêu L, ông Lê Chiêu T, ông Lê Chiêu Q, ông Lê Chiêu V, ông Lê Chiêu P, bà Lê Nguyễn Bích N và cháu Lê Hồ Bảo N1 phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà S, chia phần mỗi người là: 9.187.500đồng/người.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm của các đương sự khác, lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài, trách nhiệm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/12/2022, nguyên đơn bà Hồ Thị Hải S kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: chấp nhận yêu cầu xem xét cho bà và cháu Bảo N1 được nhận hiện vật là 100,3m² đất tại địa chỉ K đường H, chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng một lần cho cháu Bảo N1 số tiền: 2.160.000.000đồng và bà không chấp nhận việc công nhận cho ông L được hưởng 450.000.000đồng tiền công sức chăm sóc và quản lý di sản.

Ngày 30/12/2022, bị đơn ông Lê Chiêu V kháng cáo với nội dung: ông không đồng ý chia thừa kế nhà, đất tại địa chỉ K đường H và không đồng ý thối trả lại kỷ phần cho bà S, cháu Bảo N1 vì ông không có tiền để thối trả; yêu cầu bán nhà để thối trả cho các đồng thừa kế. Ông từ chối nộp án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Mai H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Riêng số tiền công sức bảo quản di sản của ông L thì bà H chỉ chấp nhận thanh toán: 37 tháng x 3.000.000đồng/tháng = 111.000.000đồng.

- Bị đơn ông Lê Chiêu V giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ông đề nghị bà S nhận toàn bộ nhà, đất tại địa chỉ K đường H và có trách nhiệm bồi trả lại tiền cho các đồng thừa kế. Bà S không đồng ý nhận toàn bộ nhà, đất mà chỉ yêu cầu nhận 100,3m² đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Hải S và bị đơn ông Lê Chiêu V; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Hải S, Hội đồng xét xử thấy rằng: các đương sự thống nhất về hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông D gồm có 08 người: bà Hồ Thị Hải S (vợ), các con: Lê Chiêu L, Lê Chiêu T, Lê Chiêu Q, Lê Chiêu V, Lê Chiêu P, Lê Nguyễn Bích N, cháu Lê Hồ Bảo N1 và thống nhất di sản của ông D để lại, gồm có các tài sản sau:

[1.1] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ K đường H, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 14, là tài sản riêng của ông D có trước thời kỳ hôn nhân với bà S, có giá trị: 15.013.725.000đồng. Tài sản chung của ông D, bà S gồm: thửa đất tại địa chỉ lô B phân khu B, khu tái định cư số 2 thuộc vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến đường DT 602, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, thuộc thửa đất số 375, tờ bản đồ số 39, có giá trị: 1.175.000.000đồng; xe ô tô hiệu Suzuki 5 chỗ, biển số 43A-244.40, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 042346 do Phòng C1 Công an thành phố Đ cấp ngày 30/8/2017, có giá trị: 235.000.000đồng. Như vậy, di sản của ông D có tổng giá trị: 15.013.725.000đồng + (1.175.000.000đồng : 2) + (235.000.000đồng : 2) = 15.718.725.000đồng.

[1.2] Nguồn gốc nhà, đất tại địa chỉ K đường H là tài sản chung của bà B và ông D. Sau khi ly hôn, bà Bích t1 cho ½ quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất cho ông D nhằm để cho các con sử dụng. Vì vậy, khi chia di sản, cần phải xem xét thấu đáo quyền lợi của 06 người con của ông D và bà B. Ông Lê Chiêu Lữ s cùng ông Diễm t trước đến nay, là người trực tiếp chăm sóc ông D trong thời gian ông D bị bệnh, chăm lo việc thờ cúng ông bà và ông D, quản lý di sản là căn nhà tại địa chỉ K đường H nên án sơ thẩm đã cân nhắc, trích một phần trong di sản thừa kế để thanh toán công sức bảo quản di sản thừa kế cho ông L. Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Mai H đồng ý thanh toán công sức bảo quản di sản cho ông L số tiền là: 111.000.000đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Toà án cấp sơ thẩm trích công sức cho ông Lữ số tiền: 450.000.000đồng là hợp tình, hợp lý nên cần giữ nguyên quyết định này.

[1.3] Mặc dù nhà, đất tại địa chỉ K đường H có diện tích 475,6m² nhưng ngôi nhà được xây giữa thửa đất, nếu chia thành các thửa sẽ ảnh hưởng đến kết cấu chung của toàn bộ ngôi nhà, trong khi bà S được UBND thành phố Đ cho thuê chỗ ở ổn định tại căn hộ S, nhà A, chung cư C, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Đồng thời, bà S được giao quyền sử dụng đất tại lô 27 phân khu B, xã H và được giao sở hữu 01 xe ô tô hiệu Suzuki. Mặt khác, các ông L, T, V, Q và bà Bích N được nhận 66,5% di sản. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm giao toàn bộ nhà, đất tại địa chỉ K đường H cho các ông L, T, V, Q và bà Bích N đồng sở hữu, sử dụng là phù hợp. Do đó, kháng cáo yêu cầu được nhận bằng hiện vật là 100,3m² đất tại địa chỉ K đường H để làm chỗ ở là không thể chấp nhận.

[1.4] Đối với kháng cáo của bà S về yêu cầu cấp dưỡng một lần cho cháu Lê Hồ Bảo N1, thời gian tính từ khi ông D chết cho đến khi cháu Bảo N1 đủ 18 tuổi với số tiền: 2.160.000.000đồng, Hội đồng xét xử thấy: ông D đã chết, cháu Bảo N1 được nhận kỷ phần thừa kế của ông D để lại, bà S còn khả năng lao động và có tài sản (từ di sản của ông D để lại). Theo quy định tại khoản 4 Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình thì nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt trong trường hợp người cấp dưỡng chết. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà S.

[1.5] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà S xuất trình Hợp đồng vay tiền vào ngày 10/4/2020 giữa bà với bà Đào Thị Minh K, số tiền 1.300.000.000đồng để trả nợ Ngân hàng và chữa bệnh cho ông D. Nội dung này bà S chưa yêu cầu Toà án cấp sơ thẩm giải quyết nên căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì yêu cầu này không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm. Vì vậy, cấp phúc thẩm không xem xét. Nếu có căn cứ, bà có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lê Chiêu V không đồng ý chia di sản thừa kế là nhà, đất tại địa chỉ K đường H và không đồng ý thối trả kỷ phần cho bà S, cháu Bảo N1 vì ông không có tiền để thối trả. Ông từ chối nộp án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Nhà, đất tại K đường H là di sản thừa kế. Bà S và cháu Bảo N1 là hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông D nên được hưởng thừa kế di sản của ông D là đúng quy định tại Điều 651 của Bộ luật Dân sự. Toà án cấp sơ thẩm phân chia di sản, theo đó, bà S và cháu Bảo N1 được nhận thối lại bằng trị giá kỷ phần thừa kế là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, nội dung kháng cáo này của bị đơn không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, ông V đề nghị bà S nhận toàn bộ nhà, đất tại địa chỉ K đường H và có trách nhiệm thối trả lại tiền cho các đồng thừa kế. Bà S không đồng ý mà chỉ yêu cầu nhận 100,3m² đất. Như vậy, các bên đương sự không thoả thuận được phương án chia thừa kế nên cần giữ nguyên việc phân chia thừa kế của bản án sơ thẩm.

[2.2] Theo quy định tại khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 147, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà ông được hưởng. Đồng thời, ông V phải chịu chi phí xem xét tại chỗ và chi phí thẩm định giá theo quy định của pháp luật. Do đó, nội dung kháng cáo này của ông V không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Hải S và bị đơn ông Lê Chiêu V; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Hồ Thị Hải S, ông Lê Chiêu V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Hải S và bị đơn ông Lê Chiêu V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 92, Điều 104, Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 623, 650, 651, 658, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33, khoản 4 Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b, mục 3 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 44, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Hải S.

1. Giao cho ông Lê Chiêu L, ông Lê Chiêu T, ông Lê Chiêu Q, ông Lê Chiêu V, bà Lê Nguyễn Bích N: quyền sử dụng đất và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ K đường H, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng thuộc thửa đất số 45 tờ bản đồ số 14 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 842550 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 17/12/2018.

2. Giao cho bà Hồ Thị Hải S:

- Quyền sử dụng đất tại địa chỉ lô B phân khu B, khu tái định cư số 2 thuộc vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến đường ĐT 602, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, thuộc thửa đất số 375, tờ bản đồ số 39 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 899034 do UBND huyện H cấp ngày 21/3/2019 đứng tên bà Hồ Thị Hải S và ông Lê Văn D.

- Sở hữu xe ô tô hiệu Suzuki 5 chỗ, biển số 43A-244.40 có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 042346 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đ cấp ngày 30/8/2017 đứng tên ông Lê Văn D.

3. Các bên được giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và xe ô tô tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được chỉnh lý biên động về quyền sở hữu, sử dụng.

4. Ông Lê Chiêu L, ông Lê Chiêu T, ông Lê Chiêu Q, ông Lê Chiêu V, bà Lê Nguyễn Bích N có trách nhiệm thối trả như sau:

+ Thối trả cho bà Hồ Thị Hải S số tiền là: 1.203.590.625đồng, chia phần cho mỗi người là 240.718.125đồng/01 người;

+ Thối trả cho cháu Lê Hồ Bảo N1 số tiền là: 1.908.590.625đồng, chia phần cho mỗi người là 381.718.125đồng/01 người;

+ Thối trả cho ông Lê Chiêu P số tiền là: 1.908.590.625đồng, chia phần cho mỗi người là 381.718.125đồng/01 người;

+ Thối trả công sức bảo quản di sản cho ông Lê Chiêu L: 450.000.000đồng, chia phần cho mỗi người là 90.000.000đồng/01 người;

Do cháu Lê Hồ Bảo N1 chưa đủ 18 tuổi nên tạm giao kỷ phần của cháu Bảo N1 cho mẹ ruột là bà Hồ Thị Hải S nhận;

Ông Lê Chiêu P đang cư trú ở nước ngoài nên tạm giao kỷ phần của ông P cho các anh, em của ông là: ông Lê Chiêu L, ông Lê Chiêu T, ông Lê Chiêu Q, ông Lê Chiêu V, bà Lê Nguyễn Bích N quản lý.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Ông Lê Chiêu V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 69.257.718đồng.

- Phí thẩm định giá là 68.500.000đồng và phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 5.000.000đồng, tổng cộng: 73.500.000đồng các bên cùng chi trả. Bà Hồ Thị Hải S đã thanh toán xong các chi phí này nên các đồng thừa kế là ông Lê Chiêu L, ông Lê Chiêu T, ông Lê Chiêu Q, ông Lê Chiêu V, ông Lê Chiêu P, bà Lê Nguyễn Bích N và cháu Lê Hồ Bảo N1 phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà S, mỗi người là: 9.187.500đồng/người.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Hồ Thị Hải S và ông Lê Chiêu V mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005196 ngày 14/02/2023; số 0005189 ngày 13/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

7. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên